

Bản án số: 07/2019/HS-PT

Ngày: 23-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 76/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2018/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B.

- Bị cáo có kháng cáo: NGUYỄN VĂN T

Sinh năm 1974 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị K (đã ly hôn) và 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 16/8/2005, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về “Tội đánh bạc”. Đến ngày 25/9/2008, bị Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản” và “Tội trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với Bản án cho hưởng án treo tổng cộng buộc Nguyễn Văn T chấp hành là 03 năm 03 tháng tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 05/8/2010. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/4/2018 đến nay. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Người bị hại: Lê Thị Kim U, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (Về năm sinh của chị U theo chứng minh nhân dân và các bản ghi lời khai thì chị U sinh năm 1985, Tòa án cấp sơ thẩm ghi chị U sinh năm 1984 là không phù hợp nên được điều chỉnh lại là 1985). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 08/4/2018, lợi dụng lúc mọi người đang ngủ say, Nguyễn Văn T cắt hàng rào lưới B40, mở chốt cửa đột nhập vào nhà của chị Lê Thị Kim U (Sinh năm 1985, ngụ ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre) để lục tìm tài sản nhưng không có. Do có đèn ngủ chiếu sáng, T thấy chị U đang ngủ trên nền gạch ở gian nhà trước cùng với 02 con trai là Trần Duy K (Sinh năm 2013) và Trần Minh Đ (Sinh năm 2016). Trên tay chị U có đeo bộ vòng simen nên T lấy con dao trong nhà chị U vén miệng chui vào đề lên người chị U đe dọa: “Im nếu không tao chặt đầu” rồi móc túi quần chị U lấy 1.700.000 đồng và dùng công cụ cắt lấy 13 chiếc vòng simen vàng 18K trị giá 14.268.000 đồng, T tiếp tục đe dọa nếu chị U tri hô sẽ giết 02 con của chị U rồi cởi quần giao cấu với chị U cho đến khi xuất tinh thì nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó, chị U tố giác với Công an.

Bệnh viện N thu mẫu dịch âm đạo của chị U; Cơ quan điều tra thu giữ 20 sợi lông tóc của Nguyễn Văn T và của Đặng Tờ H (Sinh năm 1994; ngụ ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre) để giám định.

Tại Bản Kết luận giám định số 1712/C54B ngày 18/4/2018 của Phân Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh kết luận trong mẫu dịch âm đạo của Lê Thị Kim U và trên chiếc quần lót của chị U có tinh trùng người, phân tích được 01 kiểu gen nam giới từ các mẫu tinh trùng này.

Đến ngày 20/4/2018, Phân Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 1852/C54B kết luận trong kiểu gen của Nguyễn Văn T và Đặng Tờ H thì kiểu gen của Nguyễn Văn T trùng với kiểu gen của người nam giới đã phân tích được tại Kết luận giám định số 1712/C54B ngày 18/4/2018 của Phân Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh.

Đến ngày 05/6/2018, Phân Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số xxxx/C54B kết luận đã phân tích được 01 kiểu gen nam giới và 01 kiểu gen nữ giới từ 04 sợi lông thu được tại hiện trường, trong đó kiểu gen nam giới này trùng với kiểu gen của người nam giới đã phân tích được tại Kết luận giám định số 1712/C54B ngày 18/4/2018 của Phân Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 14/5/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre có kết luận giám định số xx/2018/GĐDV kết luận 03 dấu vết đường vân thu giữ tại hiện trường không đủ yếu tố giám định.

Ngày 24/4/2018, Cơ quan điều tra cho chị Lê Thị Kim U nhận dạng đối tượng thực hiện hành vi Cướp tài sản và Hiếp dâm, kết quả chị U xác định Nguyễn Văn T là đối tượng thực hiện hành vi do tại thời điểm xảy ra vụ việc trong nhà có đèn ngủ chiếu sáng và chị U thấy được đặc điểm hình dáng của đối tượng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cướp tài sản” và “Tội hiếp dâm”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (Mười) năm tù về “Tội cướp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 141; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (Bốn) năm tù về “Tội hiếp dâm”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2018.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 592, 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho Lê Thị Kim U 29.868.000 (Hai mươi chín triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn) đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho Lê Thị Kim U 01 áo thun không tay màu xanh dương có in hoa màu đỏ vàng, 01 quần thun dài màu xanh dương có in hoa màu đỏ vàng; 01 quần lót nữ dạng thun. Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại màu nâu đen dài 34cm, mũi bằng, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 6,5cm, nơi hẹp nhất của lưỡi dao là 3,5cm; 01 sợi dây kẽm dài 70cm; 01 con dao bằng kim loại (loại dao găm) lưỡi liền cán dài 21cm, mũi nhọn, phần cán có quấn dây dù, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 02cm; 01 cái kìm, loại kìm cắt dây điện dài 16cm, 02 cán có bọc nhựa màu đỏ - đen; 01 cái kìm công lực bằng kim loại dài 21cm, phần cán dài 16cm sơn màu đỏ; 01 cái nhíp kim loại màu đen dài 10,5cm.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.493.400 (một triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành đối với tiền bồi thường, thời hạn kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/11/2018 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bị cáo không có tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi như Bản án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp. Về nội dung: Bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng qua chứng cứ chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cướp tài sản” và “Tội hiếp dâm” là có căn cứ đúng pháp luật, bị cáo kháng cáo cho rằng không phạm tội là không có căn cứ. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cướp tài sản” và “Tội hiếp dâm”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (Mười) năm tù về “Tội cướp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 141; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (Bốn) năm

tù về “Tội hiếp dâm”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội là 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2018. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 592, 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho Lê Thị Kim U 29.868.000 (Hai mươi chín triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn) đồng. Xử lý vật chứng và án phí theo như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo nói lời sau cùng yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm vì bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T không thừa nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên qua điều tra, chứng minh và thu thập chứng cứ thể hiện từ việc thu giữ 04 sợi lông tại hiện trường (lúc 09 giờ 20 ngày 08/4/2018); thu giữ tóc của Nguyễn Văn T; thu dịch âm đạo của Lê Thị Kim U (lúc 08 giờ 30 ngày 08/4/2018); việc nhận dạng đối tượng của bị hại và được trưng cầu giám định thể hiện như sau:

Tại Bản Kết luận giám định số 1712/C54B ngày 18/4/2018 của Phân Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh kết luận trong mẫu dịch âm đạo của Lê Thị Kim U và trên chiếc quần lót của chị U có tinh trùng người, phân tích được 01 kiểu gen nam giới từ các mẫu tinh trùng này. Đến ngày 20/4/2018, Phân Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 1852/C54B kết luận trong kiểu gen của Nguyễn Văn T và Đặng Tờ H thì kiểu gen của Nguyễn Văn T trùng với kiểu gen của người nam giới đã phân tích được tại Kết luận giám định số 1712/C54B ngày 18/4/2018 của Phân Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận giám định số 2040/C54B ngày 05/6/2018 của Phân Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh kết luận đã phân tích được 01 kiểu gen nam giới và 01 kiểu gen nữ giới từ 04 sợi lông thu được tại hiện trường, trong đó kiểu gen nam giới này trùng với kiểu gen của người nam giới đã phân tích được tại Kết luận giám định số 1712/C54B ngày 18/4/2018 của Phân Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 24/4/2018, Cơ quan điều tra cho chị Lê Thị Kim U nhận dạng đối tượng thực hiện hành vi Cướp tài sản và Hiếp dâm, kết quả chị U xác định Nguyễn Văn T là đối tượng thực hiện hành vi do tại thời điểm xảy ra vụ việc trong nhà có đèn ngủ chiếu sáng và chị U thấy được đặc điểm hình dáng của đối tượng.

Về tài sản qua lời khai của các nhân chứng như: ông Trần Văn A (chồng chị U) có lời khai: “khi U về có mang theo khoảng trên ba triệu đồng và đeo bộ vòng simen vàng 18k”; bà Lê Thị N có lời khai: “Trước và sau ngày 07/4/2018 tôi gặp U, thấy U

có đeo nhiều vòng tay (simen) bằng vàng. Đến buổi sáng ngày 08/4/2018 gặp U ở bên đò B thì thấy tay U không còn đeo vàng”; Ông Lê Văn G có lời khai: “Trước ngày 08/4/2018 tôi có gặp U cụ thể vào ngày 07/4/2018 tôi có gặp U và thấy U có đeo vàng là bộ vòng simen”; Ông Lê Văn H (cha của chị U) có lời khai: “Về số vòng vàng tôi thấy U đeo đã lâu do U mua, vào ngày 07/4/2018 thấy U vẫn còn đeo nhưng đến sáng ngày 08/4/2018 sau khi nghe tin U bị cướp tài sản và bị hiếp dâm tôi về nhà tôi không thấy U đeo bộ vòng này nữa”. Như vậy, có cơ sở chứng minh chị Lê Thị Kim U có đeo bộ vòng simen và bị khống chế cướp bộ vòng simen theo như khai báo.

Với các chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn T là người có mặt tại hiện trường là nhà của chị Lê Thị Kim U trong đêm 08/4/2018 và thực hiện các hành vi khống chế, đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt 1.700.000 đồng, 13 chiếc vòng simen vàng 18k trị giá 14.268.000 đồng và đe dọa giết con chị U để giao cầu trái ý muốn đối với chị U theo như bản án sơ thẩm xác định và đã tuyên là có căn cứ, đúng người, đúng tội đối với Nguyễn Văn T.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Việc chứng minh từ vật chứng có nguồn gốc từ cơ thể của bị cáo là chứng cứ khoa học và phù hợp luật định. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội: “Tội cướp tài sản” và “Tội hiếp dâm” là phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo khi áp dụng hình phạt tù và trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng theo như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cướp tài sản” và “Tội hiếp dâm”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (Mười) năm tù về “Tội cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 141; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (Bốn) năm tù về “Tội hiếp dâm”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội buộc bị cáo Nguyễn Văn T chấp hành chung là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 592, 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho Lê Thị Kim U 29.868.000 (Hai mươi chín triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho Lê Thị Kim U 01 áo thun không tay màu xanh dương có in hoa màu đỏ vàng, 01 quần thun dài màu xanh dương có in hoa màu đỏ vàng; 01 quần lót nữ dạng thun. Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại màu nâu đen dài 34cm, mũi bằng, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 6,5cm, nơi hẹp nhất của lưỡi dao là 3,5cm; 01 sợi dây kẽm dài 70cm; 01 con dao bằng kim loại (loại dao găm) lưỡi liền cán dài 21cm, mũi nhọn, phần cán có quấn dây dù, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 02cm; 01 cái kìm, loại kìm cắt dây điện dài 16cm, 02 cán có bọc nhựa màu đỏ - đen; 01 cái kìm cộng lực bằng kim loại dài 21cm, phần cán dài 16cm sơn màu đỏ; 01 cái nhíp kim loại màu đen dài 10,5cm (theo Phiếu nhập kho số NKTV27 ngày 05/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B).

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.493.400 (một triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí hình sự phúc thẩm Nguyễn Văn T phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (3b);
- Công an và VKSND huyện B (2b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện B + bị cáo (2b);
- (Yêu cầu NTG tổng đạt cho bị cáo 01b)
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T, huyện B (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh